



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

---

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

---

### **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-36
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-36

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 01/11/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Cao Cường	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/03/2016
Ông Vũ Văn Trực	Ủy viên	
Ông Trần Nguyên Hùng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Ủy viên	
Ông Đặng Trần Phúc	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/12/2016
Ông Trần Nguyên Hùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/12/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nhữ Đình Thiện	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thanh Tụ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huyền Linh	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Anh  
Q. Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2017

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được lập ngày 27 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



---

**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

---

**Nguyễn Tuấn Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-13-002-1

*Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2017*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>372.891.462.041</b>	<b>298.677.568.195</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>190.741.416.506</b>	<b>144.740.712.969</b>
111	1. Tiền		153.776.416.506	86.175.012.969
112	2. Các khoản tương đương tiền		36.965.000.000	58.565.700.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>174.619.216.612</b>	<b>145.241.789.982</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	100.032.589.427	77.823.904.577
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.853.184.449	1.463.385.827
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	72.733.442.736	65.954.499.578
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>236.887.424</b>	<b>423.522.209</b>
141	1. Hàng tồn kho		236.887.424	423.522.209
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>7.293.941.499</b>	<b>8.271.543.035</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	346.569.416	171.916.942
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		6.947.372.083	8.077.530.800
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	22.095.293
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>163.861.910.181</b>	<b>181.818.626.035</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>683.604.140</b>	<b>1.457.789.400</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	683.604.140	1.457.789.400
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>68.426.922.254</b>	<b>150.523.895.517</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	64.208.535.828	141.433.419.658
222	- Nguyên giá		121.856.147.403	191.621.191.610
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(57.647.611.575)	(50.187.771.952)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	4.218.386.426	9.090.475.859
228	- Nguyên giá		5.865.069.453	10.364.369.453
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.646.683.027)	(1.273.893.594)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>11</b>	<b>80.713.886.889</b>	-
231	- Nguyên giá		86.625.026.697	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.911.139.808)	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	<b>554.680.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	554.680.000
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>13.425.235.151</b>	<b>28.376.424.708</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		11.925.235.151	26.876.424.708
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.500.000.000	1.500.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>612.261.747</b>	<b>905.836.410</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	612.261.747	905.836.410
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>536.753.372.222</b>	<b>480.496.194.230</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>194.942.701.407</b>	<b>179.944.050.441</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>193.611.939.807</b>	<b>179.944.050.441</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	49.026.802.886	36.114.075.910
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	11.490.329.576	9.769.338.308
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	12.381.812.338	7.888.699.220
314	4. Phải trả người lao động		9.307.779.415	7.820.924.128
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		138.581.818	126.067.273
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	109.703.985.943	116.796.215.601
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.562.647.831	1.428.730.001
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.330.761.600</b>	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	1.330.761.600	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>341.810.670.815</b>	<b>300.552.143.789</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>341.810.670.815</b>	<b>300.552.143.789</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		113.682.420.000	108.330.890.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>113.682.420.000</i>	<i>108.330.890.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		41.816.120.654	41.816.120.654
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.300.120.000)	(400.120.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		28.489.813.644	24.989.189.178
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		69.826.417.931	55.786.103.434
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		84.247.472.137	64.844.711.615
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		<i>30.033.484.953</i>	<i>24.322.304.941</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>54.213.987.184</i>	<i>40.522.406.674</i>
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		5.048.546.449	5.185.248.908
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>536.753.372.222</b>	<b>480.496.194.230</b>


Đoàn Thu Hà  
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyền  
Kế toán trưởngNguyễn Hoàng Anh  
Q. Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	560.906.422.315	562.752.212.185
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		560.906.422.315	562.752.212.185
11	4. Giá vốn hàng bán	20	392.135.905.983	370.126.243.232
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		168.770.516.332	192.625.968.953
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26.075.519.250	6.877.407.595
22	7. Chi phí tài chính	22	1.227.595.704	4.410.962.515
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	23	(11.597.181.935)	5.364.841.300
25	9. Chi phí bán hàng	24	50.249.854.281	50.245.497.695
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	66.739.633.878	92.623.922.887
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		65.031.769.784	57.587.834.751
31	12. Thu nhập khác		2.644.487.690	656.983.000
32	13. Chi phí khác		51.738.308	497.156.532
40	14. Lợi nhuận khác		2.592.749.382	159.826.468
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		67.624.519.166	57.747.661.219
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	11.848.016.495	11.757.018.440
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		55.776.502.671	45.990.642.779
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		54.213.987.184	40.522.406.674
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		1.562.515.487	5.468.236.105
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	5.040	3.858

Đoàn Thu Hà  
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Anh  
Q.Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2017

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>67.624.519.166</b>	<b>57.747.661.219</b>
	<b>4. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.942.177.354	12.587.018.705
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.774.432.548)	(2.374.269.047)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.969.505.075)	(7.563.290.868)
08	<b>10 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>68.822.758.897</b>	<b>60.397.120.009</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(26.911.640.686)	(55.356.490.617)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		186.634.785	(166.005.500)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		13.853.253.249	34.403.017.497
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		118.922.189	790.707.936
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.824.538.865)	(11.324.816.536)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.081.754.370)	(1.320.878.190)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>44.163.635.199</b>	<b>27.422.654.599</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(13.207.095.452)	(19.815.282.174)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		716.363.637	1.449.168.181
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(107.651.851.466)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.662.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.745.015.468	2.198.449.568
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>13.916.283.653</b>	<b>(123.819.515.891)</b>
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		5.351.530.000	5.153.850.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(900.000.000)	(400.120.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.743.735.896)	(84.732.400)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(13.292.205.896)</b>	<b>4.668.997.600</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>44.787.712.956</b>	<b>(91.727.863.692)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

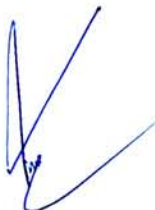
*Năm 2016*

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		144.740.712.969	234.092.697.111
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.212.990.581	2.375.879.550
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>190.741.416.506</u>	<u>144.740.712.969</u>



Đoàn Thu Hà  
Người lập



Nguyễn Thanh Tuyền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Anh  
Q. Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2017

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Năm 2016*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 01/11/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 113.682.420.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 113.682.420.000 đồng; tương đương 11.368.242 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các dịch vụ vận tải và đại lý vận tải.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý vận tải. Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa. Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa. Đại lý tàu biển. Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển. Hoạt động của các đại lý vé máy bay;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới hàng hải;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận chuyển hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh). Vận tải đa phương thức quốc tế.

#### **Cấu trúc Tập đoàn**

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Cosfi	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển
Công ty TNHH SITC Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

- Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam)	Thành phố Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải
Công ty TNHH KCTC Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	23,00%	23,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

## **2.4 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

## **2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại dịch vụ chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định và bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 9.488,4 m <sup>2</sup> đất tại Lô 39, Đường số 2, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Thành phố Đà Nẵng với thời gian sử dụng 35 năm và trích khấu hao theo thời gian sử dụng.	
- Phần mềm máy tính	03 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Quyền sử dụng đất	05 - 30 năm

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



## **2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## **2.13 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## **2.14 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.15 . Doanh thu**

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **2.16 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## **2.17 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**2.19 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	926.247.108	2.199.248.920
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	152.503.561.298	82.919.904.454
Tiền đang chuyển	346.608.100	1.055.859.595
Các khoản tương đương tiền (*)	36.965.000.000	58.565.700.000
	<u><b>190.741.416.506</b></u>	<u><b>144.740.712.969</b></u>

(\*) Tại ngày 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh với lãi suất 0%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Tỷ lệ quyền biểu	Tỷ lệ quyền biểu
Địa chỉ				
			Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH	Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH
			VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết				
- Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) (1)	45,00%	45,00%	4.350.780.000	4.350.780.000
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam (2)	23,00%	23,00%	7.574.455.151	7.119.449.600
- Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam (3)			-	15.406.195.108
			<b>11.925.235.151</b>	<b>26.876.424.708</b>



**Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:**

(1) Theo hợp đồng liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI, Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ, Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service, thì vốn điều lệ của Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) (tên cũ là Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen Quốc tế (Việt Nam)) là 600.000 USD, trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI góp 270.000 USD chiếm 45% vốn điều lệ; Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ góp 36.000 USD chiếm 6% vốn điều lệ và Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

Cũng theo hợp đồng liên doanh thì Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) đã hết thời hạn hoạt động kinh doanh vào ngày 05/09/2014. Đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) đang thực hiện các thủ tục để giải thể. Việc thanh lý khoản đầu tư sẽ thực hiện khi hoàn tất thủ tục giải thể, do đó việc ghi giảm giá gốc khoản đầu tư và các chi phí liên quan đến thanh lý cũng như tài sản được phân chia (nếu có) sẽ được ghi nhận tại thời điểm đó.

(2) Theo hợp đồng liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI, Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn, Công ty Cổ phần Tư vấn và Liên kết doanh nghiệp Việt và KCTC và Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000233 chứng nhận lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2008, thì vốn điều lệ của Công ty TNHH KCTC Việt Nam là 900.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI góp 207.000 USD chiếm 23% vốn điều lệ; Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn góp 92.000 USD chiếm 10% vốn điều lệ, Công ty Cổ phần Tư vấn và Liên kết doanh nghiệp Việt góp 160.000 USD chiếm 18% vốn điều lệ và KCTC góp 441.000 USD chiếm 49%.

(3) Theo Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 20 tháng 09 năm 2014 thì vốn điều lệ của Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam là 15.401.445.000 đồng (tương đương 874.300 USD). Trong đó, vốn góp của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI là 306.000 USD đồng chiếm 35% vốn điều lệ; Công ty Freightworld Pte.Ltd là 568.300 USD chiếm 65% vốn điều lệ. Tuy nhiên, trong năm 2016, Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam

**Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 32.**

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn vào Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam, giá gốc khoản đầu tư không thay đổi tại ngày đầu năm và cuối năm là 1.500.000.000 đồng tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ là 1.500.000 cổ phiếu.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
Phải thu các hãng tàu	16.320.396.108	1.684.067.436
Phải thu khách hàng giao nhận	43.761.803.492	44.897.078.473
Phải thu khách hàng đường biển và đường không	39.950.389.827	31.242.758.668
	<b><u>100.032.589.427</u></b>	<b><u>77.823.904.577</u></b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Dịch vụ Logistic	35.000.000	-	567.277.107	-
Dịch vụ đại lý tàu	-	-	896.108.720	-
Các khoản trả trước khác	1.818.184.449	-	-	-
	<b><u>1.853.184.449</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.463.385.827</u></b>	<b><u>-</u></b>

25  
TY  
H  
M

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	75.566.203	-	74.513.272	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	174.244.453	-
Tạm ứng	7.813.244.683	-	4.107.189.945	-
Ký cược, ký quỹ	1.120.935.604	-	266.217.704	-
Phải thu cược nhập các hãng đại lý	-	-	2.716.984.260	-
Phải thu cược và các khoản chi hộ (*)	63.185.370.023	-	56.744.238.013	-
Phải thu khác	538.326.223	-	1.871.111.931	-
	<b>72.733.442.736</b>	<b>-</b>	<b>65.954.499.578</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	683.604.140	-	1.457.789.400	-
	<b>683.604.140</b>	<b>-</b>	<b>1.457.789.400</b>	<b>-</b>

(\*) Các khoản phải thu của khách hàng sử dụng dịch vụ tại Công ty TNHH SITC Việt Nam về các khoản cược, phí dịch vụ, và sẽ chuyển trả cho bên thụ hưởng là SITC Container Lines Co., Ltd..

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	103.030.167	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	133.857.257	-	423.522.209	-
	<b>236.887.424</b>	<b>-</b>	<b>423.522.209</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>										
Số dư đầu năm	125.471.916.492	1.696.170.247			62.855.511.177		1.597.593.694		191.621.191.610	
- Mua trong năm	-	-			12.859.511.816		36.363.636		12.895.875.452	
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(78.179.346.005)	(1.352.057.017)			(1.728.423.675)		-		(81.259.826.697)	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-			(1.401.092.962)		-		(1.401.092.962)	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>47.292.570.487</b>	<b>344.113.230</b>			<b>72.585.506.356</b>		<b>1.633.957.330</b>		<b>121.856.147.403</b>	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>										
Số dư đầu năm	26.011.072.232	383.627.133			22.611.840.214		1.181.232.373		50.187.771.952	
- Khấu hao trong năm	4.320.543.336	281.341.728			9.666.554.725		300.948.132		14.569.387.921	
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(4.631.622.912)	(417.547.032)			(861.969.864)		-		(5.911.139.808)	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-			(1.198.408.490)		-		(1.198.408.490)	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>25.699.992.656</b>	<b>247.421.829</b>			<b>30.218.016.585</b>		<b>1.482.180.505</b>		<b>57.647.611.575</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>										
Tại ngày đầu năm	99.460.844.260	1.312.543.114			40.243.670.963		416.361.321		141.433.419.658	
Tại ngày cuối năm	<b>21.592.577.831</b>	<b>96.691.401</b>			<b>42.367.489.771</b>		<b>151.776.825</b>		<b>64.208.535.828</b>	
<b>Trong đó:</b>										
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.484.717.158 đồng										



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	9.882.524.453	481.845.000	10.364.369.453
- Mua trong năm	-	865.900.000	865.900.000
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(5.365.200.000)	-	(5.365.200.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.517.324.453</b>	<b>1.347.745.000</b>	<b>5.865.069.453</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	863.606.094	410.287.500	1.273.893.594
- Khấu hao trong năm	132.862.487	239.926.946	372.789.433
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>996.468.581</b>	<b>650.214.446</b>	<b>1.646.683.027</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	9.018.918.359	71.557.500	9.090.475.859
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>3.520.855.872</b>	<b>697.530.554</b>	<b>4.218.386.426</b>

**11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Nhà	Cơ sở hạ tầng	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
- Tăng do phân loại lại	21.684.350.000	61.860.196.005	3.080.480.692	86.625.026.697
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>21.684.350.000</b>	<b>61.860.196.005</b>	<b>3.080.480.692</b>	<b>86.625.026.697</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
- Tăng do phân loại lại	-	4.631.622.912	1.279.516.896	5.911.139.808
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>4.631.622.912</b>	<b>1.279.516.896</b>	<b>5.911.139.808</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>21.684.350.000</b>	<b>57.228.573.093</b>	<b>1.800.963.796</b>	<b>80.713.886.889</b>

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	206.013.146	127.916.942
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	140.556.270	44.000.000
	<b>346.569.416</b>	<b>171.916.942</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	312.349.516	394.564.993
Chi phí trả trước dài hạn khác	299.912.231	511.271.417
	<b>612.261.747</b>	<b>905.836.410</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Phải trả các công ty dịch vụ hàng không	14.760.840.319	14.760.840.319	17.947.904.917	17.947.904.917
Phải trả các công ty dịch vụ đường biển	13.689.561.425	14.935.582.936	2.790.186.225	2.790.186.225
Phải trả các công ty dịch vụ Logistic	14.608.828.237	13.362.806.726	14.690.816.845	14.690.816.845
Phải trả dịch vụ đại lý tàu	5.903.099.303	5.903.099.303	69.312.530	69.312.530
Phải trả dịch vụ khác	64.473.602	64.473.602	615.855.393	615.855.393
	<b>49.026.802.886</b>	<b>49.026.802.886</b>	<b>36.114.075.910</b>	<b>36.114.075.910</b>

**14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Người mua trả tiền trước các hãng Forwarding và hãng tàu	10.875.238.635	7.226.967.215
Người mua trả tiền trước khác	615.090.941	2.542.371.093
	<b>11.490.329.576</b>	<b>9.769.338.308</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		791.326.643		9.489.589.943		9.790.468.708		-		490.447.878	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	22.095.293		1.047.672.699		11.875.225.677		10.824.538.865		-		2.076.264.218	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		446.731.607		5.047.098.195		5.039.135.069		-		454.694.733	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		140.641.139		140.641.139		-		-	
Các loại thuế khác	-		5.602.968.271		132.157.862.677		128.401.425.439		-		9.359.405.509	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		15.721.452		14.721.452		-		1.000.000	
	<b>22.095.293</b>		<b>7.888.699.220</b>		<b>158.726.139.083</b>		<b>154.210.930.672</b>				<b>12.381.812.338</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Kinh phí công đoàn	717.661.735		554.628.660	
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	-		6.954.000	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	38.852.929.838		45.370.925.679	
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	151.703.680		141.606.130	
- Phải trả cược nhập các hãng đại lý	23.310.618.257		25.450.174.797	
- Phải trả cược và các khoản thu hộ khác (*)	41.407.266.113		42.571.477.210	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.263.806.320		2.700.449.125	
	<b>109.703.985.943</b>		<b>116.796.215.601</b>	
<b>b) Dài hạn</b>				
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.330.761.600		-	
	<b>1.330.761.600</b>		<b>-</b>	

(\*) Các khoản phải trả cho SITC Container Lines Co., Ltd về cược, phí dịch vụ của khách hàng sử dụng dịch vụ tại Công ty TNHH SITC Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,

Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>103.177.040.000</b>	<b>41.816.120.654</b>	-	-	-	-	12.899.497.006	-	-	-	95.256.219.498	17.829.828.777	-	-	270.978.705.935	
Tăng vốn trong năm trước	5.153.850.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.153.850.000	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	40.522.406.674	5.468.236.105	-	-	45.990.642.779	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	12.089.692.172	-	55.786.103.434	-	(69.308.401.725)	(6.713.900.850)	-	-	(8.146.506.969)	
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(400.120.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(400.120.000)	
Giảm do Công ty con chuyển thành công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.625.512.832)	(11.398.915.124)	-	-	(13.024.427.956)	
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>108.330.890.000</b>	<b>41.816.120.654</b>	-	(400.120.000)	-	-	24.989.189.178	55.786.103.434	55.786.103.434	64.844.711.615	5.185.248.908	300.552.143.789	-	-	300.552.143.789	
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>108.330.890.000</b>	<b>41.816.120.654</b>	-	(400.120.000)	-	-	24.989.189.178	55.786.103.434	55.786.103.434	64.844.711.615	5.185.248.908	300.552.143.789	-	-	300.552.143.789	
Tăng vốn trong năm nay (**)	5.351.530.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.351.530.000	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	54.213.987.184	1.562.515.487	-	-	55.776.502.671	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	3.500.624.466	14.040.314.497	14.040.314.497	-	(34.811.226.662)	(1.699.217.946)	-	-	(18.969.505.645)	
Mua cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-	(900.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(900.000.000)	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>113.682.420.000</b>	<b>41.816.120.654</b>	-	(1.300.120.000)	-	-	28.489.813.644	69.826.417.931	69.826.417.931	84.247.472.137	5.048.546.449	341.810.670.815	-	-	341.810.670.815	

Theo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và biên bản họp Hội đồng thành viên, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Công ty mẹ		Các Công ty con		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	
Trích Quỹ đầu tư phát triển (10% LNST theo Báo cáo tài chính riêng)	3.500.624.466	-	-	-	3.500.624.466
Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	14.040.314.497	-	-	-	14.040.314.497
Trích Ngân sách hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát (3% LNST của cổ đông công ty mẹ theo Báo cáo tài chính hợp nhất)	1.215.672.200	-	-	-	1.215.672.200
Chi trả cổ tức	16.054.615.500	1.699.217.946	-	-	17.753.833.446

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(\*) Theo báo cáo kết quả thu hồi cổ phiếu ESOP làm cổ phiếu quỹ, số lượng cổ phiếu đã thực hiện mua lại là 90.000 cổ phiếu. Giá giao dịch bình quân 10.000 đồng/ cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu quỹ hiện có 130.012 cổ phiếu. Phương thức giao dịch: chuyển quyền sở hữu cổ phiếu ESOP của cán bộ công nhân viên nghỉ việc sang cho Safi.

(\*\*) Theo thông báo số 1310/TB-SGDHCM ngày 30 tháng 12 năm 2016, số lượng chứng khoán thay đổi niên yết của Công ty là 535.153 cổ phiếu. Tổng số lượng chứng khoán sau khi thay đổi niên yết là 11.368.242 cổ phiếu. Lý do thay đổi niên yết: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động Công ty.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Nguyễn Hoàng Anh	18,36%	20.867.490.000	18,16%	19.667.490.000
Mutual fund Elite	5,18%	5.888.000.000	4,78%	5.181.100.000
America LLC	11,32%	12.864.600.000	6,01%	6.509.700.000
Halley Sicav	6,85%	7.782.700.000	5,99%	6.492.100.000
Vốn góp của cổ đông khác	57,15%	64.979.510.000	64,69%	70.080.380.000
Cổ phiếu quỹ	1,14%	1.300.120.000	0,37%	400.120.000
	<b>100%</b>	<b>113.682.420.000</b>	<b>100%</b>	<b>108.330.890.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	113.682.420.000	108.330.890.000
- Vốn góp đầu năm	108.330.890.000	103.177.040.000
- Vốn góp tăng trong năm	5.351.530.000	5.153.850.000
- Vốn góp cuối năm	113.682.420.000	108.330.890.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	16.054.615.500	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	16.054.615.500	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.368.242	10.833.089
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.368.242	10.833.089
- Cổ phiếu phổ thông	11.368.242	10.833.089
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	130.012	40.012
- Cổ phiếu phổ thông	130.012	40.012
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.238.230	10.793.077
- Cổ phiếu phổ thông	11.238.230	10.793.077
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	28.489.813.644	24.989.189.178
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	69.826.417.931	55.786.103.434
	<b>98.316.231.575</b>	<b>80.775.292.612</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	4.634.099,12	3.961.616,51

**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	560.906.422.315	562.752.212.185
	<u><b>560.906.422.315</b></u>	<u><b>562.752.212.185</b></u>

**20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	392.135.905.983	370.126.243.232
	<u><b>392.135.905.983</b></u>	<u><b>370.126.243.232</b></u>

**21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	963.156.444	2.198.449.568
Lãi bán các khoản đầu tư	2.307.992.377	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.781.859.024	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.248.078.857	2.304.688.980
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.774.432.548	2.374.269.047
	<u><b>26.075.519.250</b></u>	<u><b>6.877.407.595</b></u>

**22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.227.595.704	4.410.962.515
	<u><b>1.227.595.704</b></u>	<u><b>4.410.962.515</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**23 . PHÂN LÃI HOẶC LỖ TRONG CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận từ Công ty TNHH KCTC Việt Nam	455.005.550	197.310.324
Lợi nhuận từ Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam (*)	(12.052.187.485)	5.167.530.976
	<b>(11.597.181.935)</b>	<b>5.364.841.300</b>

(\*) Trong năm, Kết quả kinh doanh nhận được tương ứng với tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam là 7.729.671.539 đồng, đồng thời Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam cũng thực hiện phần chuyển lợi nhuận còn lại về cho Công ty với số tiền 19.781.859.024 đồng. Theo quy định tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các số liệu này được điều chỉnh vào Chi tiêu: "Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết" - Mã số 24 trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Chi tiêu: "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết"- Mã số 252 trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất. Điều này dẫn tới giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam và chi tiêu "Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết" giảm đi so với năm trước.

**24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.289.561.045	1.716.795.786
Chi phí nhân công	37.500.286.219	35.457.666.025
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.449.113.220	1.805.302.579
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.294.958.705	3.018.449.614
Chi phí khác bằng tiền	7.715.935.092	8.247.283.691
	<b>50.249.854.281</b>	<b>50.245.497.695</b>

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.814.403.483	2.262.211.329
Chi phí nhân công	41.313.246.049	43.168.736.555
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.168.231.289	3.215.843.224
Thuế, phí, lệ phí	814.170.268	1.665.774.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.857.497.203	29.073.002.705
Chi phí khác bằng tiền	8.772.085.586	13.238.355.040
	<b>66.739.633.878</b>	<b>92.623.922.887</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.848.016.495	11.757.018.440
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	27.209.182	131.337.178
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.025.577.406	1.261.937.471
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(10.824.538.865)	(11.324.816.536)
Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp do công ty con chuyển thành công ty liên kết trong năm	-	(799.899.147)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b><u>2.076.264.218</u></b>	<b><u>1.025.577.406</u></b>

**27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	54.213.987.184	40.522.406.674
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	54.213.987.184	40.522.406.674
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.756.838	10.504.471
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>5.040</u></b>	<b><u>3.858</u></b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.727.161.785	5.732.854.731
Chi phí nhân công	80.543.266.982	81.663.456.768
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.942.177.354	12.587.018.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	360.963.740.010	371.687.923.084
Chi phí khác bằng tiền	38.659.383.059	41.490.416.026
	<b><u>508.835.729.190</u></b>	<b><u>513.161.669.314</u></b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	190.741.416.506	-	-	190.741.416.506
Phải thu khách hàng, phải thu khác	173.449.636.303	-	-	173.449.636.303
Đầu tư dài hạn	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000
	<b>364.191.052.809</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>365.691.052.809</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	144.740.712.969	-	-	144.740.712.969
Phải thu khách hàng, phải thu khác	145.236.193.555	-	-	145.236.193.555
Đầu tư dài hạn	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000
	<b>289.976.906.524</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>291.476.906.524</b>

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	158.730.788.829	1.330.761.600	-	160.061.550.429
Chi phí phải trả	138.581.818	-	-	138.581.818
	<b><u>158.869.370.647</u></b>	<b><u>1.330.761.600</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>160.200.132.247</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	152.910.291.511	-	-	152.910.291.511
Chi phí phải trả	126.067.273	-	-	126.067.273
	<b><u>153.036.358.784</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>153.036.358.784</u></b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

## Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động Logistic VND	Hoạt động Forwarding VND	Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác VND	Tổng cộng các bộ phần VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	212.920.346.233	333.169.610.205	14.816.465.877	560.906.422.315	560.906.422.315
Chi phí bộ phận trực tiếp	108.189.070.211	276.154.712.084	7.792.123.688	392.135.905.983	392.135.905.983
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>104.731.276.022</b>	<b>57.014.898.121</b>	<b>7.024.342.189</b>	<b>168.770.516.332</b>	<b>168.770.516.332</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	13.207.095.452	-	-	13.207.095.452	13.207.095.452
Tài sản bộ phận	203.751.836.863	318.823.077.585	14.178.457.774	536.753.372.222	536.753.372.222
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>203.751.836.863</b>	<b>318.823.077.585</b>	<b>14.178.457.774</b>	<b>536.753.372.222</b>	<b>536.753.372.222</b>
Nợ phải trả bộ phận	74.000.342.709	115.792.904.585	5.149.454.113	194.942.701.407	194.942.701.407
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>74.000.342.709</b>	<b>115.792.904.585</b>	<b>5.149.454.113</b>	<b>194.942.701.407</b>	<b>194.942.701.407</b>

## Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,  
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Doanh thu</b>		<b>4.326.040.167</b>	<b>5.909.155.002</b>
Công ty TNHH KCTC Việt Nam	Công ty liên kết	18.789.082	-
Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam (*)	Công ty liên kết	4.307.251.085	5.909.155.002
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>794.633.558</b>	<b>564.007.704</b>
Công ty TNHH KCTC Việt Nam	Công ty liên kết	670.050	-
Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam (*)	Công ty liên kết	793.963.508	564.007.704
<b>Cổ tức được nhận</b>		<b>19.781.859.024</b>	<b>5.001.240.452</b>
Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam (*)	Công ty liên kết	19.781.859.024	5.001.240.452

(\*) Công ty đã thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam trong quý IV năm 2016.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

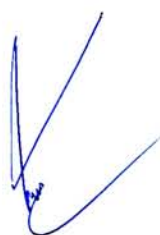
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.941.440.000	2.135.584.000

**33 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



**Đoàn Thu Hà**  
Người lập



**Nguyễn Thanh Tuyền**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Hoàng Anh**  
Q.Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2017